

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày: 08-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ánh Sứ và ông Hoàng Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Ông Y Sơ Mi Niê KĐăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2020 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, tên gọi khác: không; sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: không có nơi cư trú ổn định; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Nguyễn Thế A - sinh năm 1964 và bà Hà Thị N - sinh năm 1964; Tiền án: không; Tiền sự: Có 1 tiền sự, ngày 04/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện E áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 02 năm.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ và đi học tại xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Học hết lớp 6 thì nghỉ học ở nhà sinh sống cùng gia đình. Ngày 20/9/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 3 năm 6 tháng tù vộ tội Cố ý gây thương tích. Đến ngày 08/9/2015, chấp hành xong án phạt tù về sinh sống tại xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 04/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện E áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Đến ngày 14/01/2019, được Tòa án nhân dân huyện K quyết định miễn thời gian chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại. Sau khi cai nghiện xong về địa phương sống lang thang đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện E từ ngày 21/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bà Hoàng Thị R, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn A, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn B, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người làm chứng:*

Anh Lục Văn N, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Văn Q là người nghiện ma túy và sống lang thang không có nơi cư trú nhất định. Vào khoảng 13 giờ, ngày 29/3/2020, Q đi bộ đến khu vực xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài. Khi đi ngang qua rẫy cà phê của bà Hoàng Thị R ở thôn 12, xã K, huyện E, thì Q nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại xe Blade, mang biển số 47D1-394.69 của bà Rong đang dựng ở đường ngay sát vào rẫy cà phê nhưng không có người trông coi. Thấy vậy, Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nên đã đi lại gần chiếc xe mô tô. Lúc này, Q thấy chiếc xe mô tô đã tắt ỏ khóa điện nhưng xe chưa khóa cổ. Khi đó, Q dùng kéo cắt cành cà phê mang theo từ trước cắt dây điện ỏ khóa của xe mô tô rồi nổ máy chạy về xã W, huyện E. Sau đó, Q sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện đi lại được 02 ngày thì Q tháo yếm trước của xe, biển số và bóc tem nhãn mác xe vứt đi. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2020, Q điều khiển xe mô tô sang huyện S, tỉnh Đắk Lắk, để bán chiếc xe mô tô nhưng không bán được. Sau đó, Q mang chiếc xe mô tô đến gửi ở nhà Lục Văn N trú tại thôn B, xã M, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Biên bản định giá tài sản số 297/BB-ĐGTS ngày 21/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: xe mô tô Honda, loại xe BLADE, màu sơn đen-đỏ, số khung 3642GY115921, số máy JA36E0610060, trị giá 12.000.000 đồng .

Tại biên bản xác định hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E, lập ngày 21/4/2020, thể hiện: Hiện trường xảy ra vụ việc là tại rẫy của bà Hoàng Thị Rong ở thôn 12, xã K, huyện E. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành truy tìm chiếc kéo bấm cành là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, biển số kiểm soát 47D1-394.69, yếm xe và nhãn mác của chiếc xe bị Q trộm cắp mà Q đã vứt bỏ nhưng không có kết quả.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu đen không nhãn mác, số khung 3642GY115921, số máy JA36E0610060 do chị Nông Thị L giao nộp.

Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô mang biển số 47D1-394.69 là của bà Hoàng Thị R mượn của bà Hoàng Thị T đi làm rẫy bị mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả 01 chiếc xe mô tô cho bà Hoàng Thị R là người sở hữu hợp pháp.

Đối với biển số 47D1-394.69, yếm xe và nhãn mác chiếc xe Nguyễn Văn Q đã đem vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Sau khi nhận lại tài sản bà Hoàng Thị R và bà Hoàng Thị T không yêu cầu bị can Nguyễn Văn Q phải bồi thường gì về dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và nội dung bản cáo trạng là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đồng thời giữ nguyên nội dung Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố đối với đối với Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết tăng nặng: không;

Về tình tiết giảm nhẹ: Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo;

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn Q mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu đen không nhãn mác, số khung 3642GY115921, số máy JA36E0610060 cho bà Hoàng Thị R là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với chiếc kéo cắt cảnh bị cáo dùng để cắt dây điện ổ khóa xe bị cáo vứt bỏ nơi nào không rõ, không truy tìm được nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với anh Lục Văn N có hành vi chứa chấp tài sản do Nguyễn Văn Q phạm tội mà có nhưng không biết tài sản này do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày lời sau cùng: Bị cáo không trình bày lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào ngày 29 tháng 3 năm 2020, lợi dụng sự sơ hở của bà Hoàng Thị R, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của bà Hoàng Thị R mượn của bà Hoàng Thị T. Theo kết luận của Hội đồng định giá, chiếc mô tô có giá trị là 12.000.000 đồng.

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Lời luận tội của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây mất ổn định về an ninh, trật tự tại địa phương, làm cho người dân hoang mang, lo lắng. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, có 1 tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm trừng trị, đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ý thức chấp hành pháp luật.

Đối với anh Lục Văn N có hành vi chứa chấp tài sản do Nguyễn Văn Q phạm tội mà có nhưng không biết tài sản này do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã trả về cho chủ sở hữu. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 47D1-394.69 là của bà Hoàng Thị R mượn của bà Hoàng Thị T để sử dụng. Trong thời gian bà R đang quản lý, sử dụng chiếc xe thì bị trộm cắp, do vậy cần Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu đen không nhãn mác, số khung 3642GY115921, số máy JA36E0610060 cho bà Hoàng Thị R.

Đối với chiếc khóa cảnh bị cáo dùng để cắt dây điện ổ khóa xe bị cáo vứt bỏ nơi nào không rõ, không truy tìm được nên không có căn cứ để xử lý.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 21/04/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu đen không nhãn mác, số khung 3642GY115921, số máy JA36E0610060 cho bà Hoàng Thị R.

Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội, bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHSCA huyện E;
- Bộ phận HSNVCA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy